

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST  
Ngày 22 – 4 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thanh Nhanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Nguyễn Văn Châu;**

**Bà Sơn Thị Vành Đa.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Trần Minh Chánh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

**Ông Võ Thanh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Thông báo số: 79/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966, tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp B, xã Mỹ P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ và 03 con; tiền sự: không; tiền án; không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02 tháng 3 năm 2021 cho đến nay.

(Có mặt).

**- Bị hại:** Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Tân P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

(Có mặt).

- *Người làm chứng*: Bà **Nguyễn Thị T.**

(Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn D gọi bà Huỳnh Thị M là bác sui. Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26-10-2020, bị cáo đi đám cưới về, khi tới nhà của chị Phạm Thị P, là em dâu của bị cáo, thì bị cáo vào nhà chơi. Lúc này chỉ có bà M ở nhà và đang ngủ trong phòng. Bị cáo nằm võng cạnh giường bà M và nói chuyện qua lại với nhau được vài phút thì bị cáo vào phòng nằm cạnh đòi quan hệ tình dục với bà M, nhưng bà M không đồng ý. Bị cáo dùng tay phải câu cổ, dùng chân dang hai chân bà M ra để nhằm thực hiện hành vi giao cấu. Hai bên giằng co được một lúc, bị cáo dùng tay bóp cổ bà M, bà M xô đẩy bị cáo ra được nên bị cáo không thực hiện hành vi giao cấu. Bị cáo ra nằm võng, còn bà M vẫn nằm trong phòng. Khoảng 05 phút sau bị cáo tự ý tắt đèn, bà M hoảng sợ nên la lên và bỏ chạy ra khỏi nhà. Nghe tiếng la nên bà Nguyễn Thị T bơi xuống qua (bà T ở ngang sông nhà chị P). Bà M xuống xuống qua nhà bà T ngủ nhờ. Ngày 27-10-2020 bà M trình báo Công an xã Mỹ Phước và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 334/TĐ-PY ngày 23-11-2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: Bộ phận sinh dục: Màng trinh không thấy vết tích màng trinh; Âm đạo: Dẫn rộng, viêm đỏ, bên trong có dị vật dạng sợi nhựa; Tầng sinh môn: dẫn; Cận lâm sàng: Test HIV: âm tính. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị xâm hại tình dục hiện tại là: 00%.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà M không yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT.VKSMT ngày 17-3-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo D về tội: “Hiếp dâm”, theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú:

Bị cáo D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm”. Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội chưa đạt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 141, Điều 15, Điều 38, Điều 57, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo tù 02 năm đến 02

năm 06 tháng tù. Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên bị cáo không phải bồi thường. Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên không xem xét xử lý.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và đồng ý với mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 26-10-2020 khi thấy bà M ở nhà một mình, bị cáo nảy sinh ý định giao cấu với bà M. Bị cáo tự ý vào phòng bà M đang nằm, dùng tay phải cấu cổ đồng thời dùng chân trái kẹp chân bà M và dang hai chân bà M ra nhằm thực hiện hành vi quan hệ tình dục, nhưng bà M chống cự dùng tay xô bị cáo, dùng chân đạp bị cáo ra nên bị cáo dùng tay phải bóp cổ bà M. Hai bên giằng co nên bị cáo không quan hệ tình dục được. Sau đó, bị cáo tự ý tắt đèn, bà M đi ra khỏi phòng và chạy ra sân nhà, nên sự việc kết thúc.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi giao cấu trái ý muốn của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn ham muốn của bản thân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo khoản 1 điều luật này quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[2.2] Xét các căn cứ quyết định hình phạt:

Tuy bị cáo phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; khi thực hiện hành vi bị cáo đã có những hành động thô bạo và suy đồi về đạo đức, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì bị hại chống cự, là nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo cố ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ đó là: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt thể hiện không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan cho bị cáo và mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo D là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, bị cáo cũng không có ý kiến gì về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo D bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 141, Điều 15, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 57, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hiếp dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về vật chứng: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu là 200.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan T.H.A hình sự - Công an huyện Mỹ Tú;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thanh Nhanh**